

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1235/LĐTBXH-BTXHTEBĐGTNXH
V/v đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh dự thảo Nghị quyết HĐND Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Kiên Giang, ngày 25 tháng 05 năm 2022

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Kiên Giang

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Công văn số 1015/UBND-NC ngày 13/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc lập quy trình đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND và Quyết định của UBND tỉnh.

Thực hiện Công văn số 2101/VP-KT ngày 25/3/2022 và Công văn số 3950/VP-KGVX ngày 23/5/2022 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (đính kèm văn bản dự thảo)

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông cho đăng tải dự thảo Nghị quyết lên cổng thông tin điện tử của tỉnh để tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến theo quy định. *Thưa*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, nttha.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Quốc Tuấn

Số: /2022/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách
trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025,

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày ... tháng... năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025; Báo cáo

thăm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

(Có Quy định kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang khóa X, Kỳ họp thứ, thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước;
- Bộ Tài chính, Bộ LĐ-TB và XH;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (để đăng công báo tỉnh);
- Lãnh đạo VP, các phòng và chuyên viên;
- Lưu VT, dkngan.

CHỦ TỊCH

Mai Văn Huỳnh

QUY ĐỊNH

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

a) Sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

- Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các bộ, ngành trung ương và chính quyền địa phương.

- Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững. Trọng tâm là các huyện có tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo cao, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Việc phân bổ cụ thể ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng

năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

- Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4: Tiêu chí phân bổ vốn và căn cứ tính hệ số

1. Quy mô dân số của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Tổng cục Thống kê năm 2021.
2. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
3. Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, thành phố để tính điểm căn cứ vào số liệu tại thời điểm 31/12/2021 do Cục Thống kê tỉnh công bố.
4. Xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025.
5. Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn các huyện, thành phố căn cứ số liệu công bố năm 2021 của Cục Thống kê tỉnh. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng, thấp còi theo số liệu năm 2021 của Sở Y tế.
6. Số trường cao đẳng, trung cấp giáo dục nghề nghiệp công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh để tính điểm căn cứ vào số lượng thực tế tính đến năm 2021. Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thành phố căn cứ vào kết quả báo cáo tuyển sinh năm 2021 của các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình

1. Tỷ lệ ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương đầu tư cho Chương trình trên địa bàn tỉnh để thực hiện Chương trình (do tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương dưới 50%).
2. Hàng năm, ngoài ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương đầu tư cho Chương trình trên địa bàn tỉnh để thực hiện Chương trình; các huyện, thành phố tùy khả năng cân đối ngân sách, chủ động bố trí kinh phí để hỗ trợ đối với các ấp, khu phố có tỷ lệ hộ nghèo cao trên địa bàn.

Điều 6. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

- a) Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo.

Tỉnh không thực hiện (do tỉnh Kiên Giang không có huyện nghèo giai đoạn 2021 – 2025 theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

b) Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK) vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

- Tiêu chí và hệ số phân bổ:

Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển: Hệ số 1.

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn:

(1) Vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương và tỉnh phân bổ cho xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được tính theo công thức:

$$B_i = Q.X_i$$

Trong đó:

B_i là vốn ngân sách trung ương và tỉnh phân bổ cho xã thứ i

X_i là hệ số tiêu chí của xã thứ i .

Q là vốn bình quân cho một xã được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{X}$$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương phân bổ cho các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo để thực hiện Dự án 1.

X là tổng hệ số các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

(2) Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: bằng 10% tổng vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn của từng xã.

Điều 7. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương và tỉnh của Dự án cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện, thành phố (gọi tắt là huyện)

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, TP	
- Dưới 4%	0,4
- Từ 4% đến dưới 8%	0,5
- Từ 8% đến dưới 10%	0,6
- Từ 10% trở lên	0,7

Tiêu chí	Hệ số
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, TP	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
- Từ 4.000 hộ trở lên	0,6
3. Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Mỗi xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, TP	
- Dưới 10 xã	1
- Từ 10 đến 12 xã	1,3
- Từ 13 xã trở lên	1,5

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện, thành phố (gọi tắt là huyện)

Vốn ngân sách trung ương và tỉnh phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

C_i là vốn ngân sách trung ương và tỉnh phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = 0,015 \cdot XN_i \times 2,5 + ĐV_i$

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của huyện thứ i .

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{X \cdot Y}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương và tỉnh phân bổ cho tỉnh để thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

X là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của các huyện.

Y là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của các huyện.

Điều 8. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

(1) Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương và tỉnh của Tiểu dự án cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan chủ trì Tiểu dự án) để tập trung nguồn lực triển khai thực hiện Tiểu dự án có trọng tâm, trọng điểm.

(2) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, TP	
- Dưới 4%	0,4
- Từ 4% đến dưới 8%	0,5
- Từ 8% đến dưới 10%	0,6
- Từ 10% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, TP	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
- Từ 4.000 hộ trở lên	0,6
3. Tiêu chí 3. Địa bàn khó khăn	
Mỗi xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, TP	
- Dưới 10 xã	1
- Từ 10 đến 12 xã	1,3
- Từ 13 xã trở lên	1,5

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện

Vốn ngân sách trung ương và tỉnh phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$\mathbf{\mathbf{Đ}_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i}$$

Trong đó:

$\mathbf{\mathbf{Đ}_i}$ là vốn ngân sách trung ương và tỉnh phân bổ cho huyện thứ i.

$\mathbf{X_i}$ là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i.

$\mathbf{Y_i}$ là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $\mathbf{Y_i = 0,015 \cdot XN_i \times 2,5 + ĐV_i}$

$\mathbf{XN_i}$ là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của huyện thứ i.

$\mathbf{ĐV_i}$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i.

$\mathbf{Q}$ là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{X.Y}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương và tỉnh phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

X là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của các huyện.

Y là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của các huyện.

b) **Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng**

(1) Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho Sở Y tế (cơ quan chủ trì Tiểu dự án) để tập trung nguồn lực triển khai thực hiện Tiểu dự án có trọng tâm, trọng điểm.

(2) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 3. Địa bàn khó khăn	
Mỗi xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
2. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, TP	
- Dưới 10 xã	1
- Từ 10 đến 12 xã	1,3
- Từ 13 xã trở lên	1,5
3. Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện, thành phố	
- Dưới 10 %	1,2
- Từ 10% trở lên	1,6

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện

Vốn ngân sách trung ương và tỉnh phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$E_i = Q.Y_i . DD_i$$

Trong đó:

E_i là vốn ngân sách trung ương và tỉnh phân bổ cho huyện thứ i.

DD_i là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của huyện thứ i.

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = 0,015.XN_i \times 2,5 + ĐV_i$

XN_i là số xã ĐBKК vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của huyện thứ i .

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{Y \cdot DD}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiêu dự án 2 thuộc Dự án 3 của Chương trình.

DD là tổng hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của các huyện.

Y là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của các huyện.

Điều 9. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

(1) Phân bổ 100% vốn sự nghiệp ngân sách trung ương và tỉnh của Tiêu dự án cho các địa phương để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

(2) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, TP	
- Dưới 4%	0,4
- Từ 4% đến dưới 8%	0,5
- Từ 8% đến dưới 10%	0,6
- Từ 10% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, TP	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
- Từ 4.000 hộ trở lên	0,6
3. Tiêu chí 3. Địa bàn khó khăn	
Mỗi xã ĐBKК vùng bãi ngang, ven biển	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, TP	
- Dưới 10 xã	1
- Từ 10 đến 12 xã	1,3
- Từ 13 xã trở lên	1,5
5. Tiêu chí 5: Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, TP	

Tiêu chí	Hệ số
- Dưới 200 người/năm	0,5
- Từ 200 người/năm đến dưới 350 người/năm	0,6
- Từ 350 người/năm trở lên	0,7

Số lượng tuyển sinh trên địa bàn tỉnh để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu kết quả tuyển sinh năm 2020 do UBND tỉnh công bố.

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện

Vốn ngân sách trung ương và tỉnh phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$K_i = Q.X_i$$

Trong đó:

K_i là vốn ngân sách trung ương và tỉnh phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí của huyện thứ i theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i + 0,015.XN_i + ĐV_i + TS_i$$

TL_i là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

QM_i là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của huyện thứ i .

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

TS_i là hệ số tiêu chí số tượng tuyển sinh trên địa bàn huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{X}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương và tỉnh phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

X là tổng số các hệ số tiêu chí của các huyện.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

(1) Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương và tỉnh của Dự án cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

(2) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, TP	

Tiêu chí	Hệ số
- Dưới 4%	0,4
- Từ 4% đến dưới 8%	0,5
- Từ 8% đến dưới 10%	0,6
- Từ 10% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, TP	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
- Từ 4.000 hộ trở lên	0,6
3. Tiêu chí 3. Địa bàn khó khăn	
Mỗi xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương

Vốn ngân sách trung ương phân bổ và tính cho từng huyện được tính theo công thức:

$$L_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

L_i là vốn ngân sách trung ương và tính phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn của huyện thứ i theo công thức:

$$Y_i = 0,015 \cdot XN_i$$

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{X \cdot Y}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương và tính phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

X là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của các huyện.

Y là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn của các huyện.

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

(1) Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương và tỉnh của Dự án cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

(2) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, TP	
- Dưới 4%	0,4
- Từ 4% đến dưới 8%	0,5
- Từ 8% đến dưới 10%	0,6
- Từ 10% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, TP	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
- Từ 4.000 hộ trở lên	0,6
3. Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của huyện, TP	
- Dưới 10.000 người	1
- Từ 10.000 người đến dưới 20.000 người	1,3
- Từ 20.000 người đến dưới 50.000 người	1,6
- Từ 50.000 người đến dưới 80.000 người	1,9
- Từ 80.000 người đến dưới 100.000 người	2,2
- Từ 100.000 người trở lên	2,5

Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn tỉnh căn cứ vào số liệu công bố năm 2020 của Cục thống kê tỉnh.

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện

Vốn ngân sách trung ương và tỉnh phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$M_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

M_i là vốn ngân sách trung ương và tỉnh phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là hệ số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{X \cdot Y}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiêu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

X là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của các huyện.

Y là tổng hệ số lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của các huyện.

Điều 10. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo

Tỉnh không thực hiện Dự án 5 (do tỉnh Kiên Giang không có huyện nghèo giai đoạn 2021 – 2025 theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

Điều 11. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương và tỉnh của Tiểu dự án 1 cho Sở Thông tin và Truyền thông (cơ quan chủ trì Tiểu dự án) để tập trung nguồn lực triển khai thực hiện.

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

(1) Phân bổ 20% vốn (ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh) của Tiểu dự án 2 cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (cơ quan chủ trì Tiểu dự án) và 80% cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

(2) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, TP	
- Dưới 4%	0,4
- Từ 4% đến dưới 8%	0,5
- Từ 8% đến dưới 10%	0,6
- Từ 10% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, TP	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
- Từ 4.000 hộ trở lên	0,6
3. Tiêu chí 3. Địa bàn khó khăn	
Mỗi xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, TP	
- Dưới 10 xã	1
- Từ 10 đến 12 xã	1,3
- Từ 13 xã trở lên	1,5

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện

Vốn ngân sách trung ương và tỉnh phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

P_i là vốn ngân sách trung ương và tỉnh phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = 0,015.XN_i \times 2,5 + ĐV_i$

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của huyện thứ i .

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{X.Y}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 của Chương trình.

X là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của các huyện.

Y là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của các huyện.

Điều 12. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Phân bổ 20% vốn (ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh) của dự án 7 cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (cơ quan chủ trì Tiểu dự án) và 80% cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố..

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho huyện

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, TP	
- Dưới 4%	0,4
- Từ 4% đến dưới 8%	0,5
- Từ 8% đến dưới 10%	0,6
- Từ 10% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện, TP	
- Dưới 2.000 hộ	0,4
- Từ 2.000 hộ đến dưới 4.000 hộ	0,5
- Từ 4.000 hộ trở lên	0,6

Tiêu chí	Hệ số
3. Tiêu chí 3. Địa bàn khó khăn	
Mỗi xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	0,015
4. Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện, TP	
- Dưới 10 xã	1
- Từ 10 đến 12 xã	1,3
- Từ 13 xã trở lên	1,5

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho huyện

Vốn ngân sách trung ương và tỉnh phân bổ cho từng huyện được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

R_i là vốn ngân sách trung ương và tỉnh phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i theo công thức: $Y_i = 0,015 \cdot XN_i \times 2,5 + ĐV_i$

XN_i là số xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo của huyện thứ i .

$ĐV_i$ là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{X \cdot Y}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho tỉnh để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 của Chương trình.

X là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của các huyện.

Y là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của các huyện.

Điều 13. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho xã, phường, thị trấn

Căn cứ vào nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn của Nghị quyết này, UBND các huyện, thành phố áp dụng công thức phân bổ vốn cho xã, phường, thị trấn như sau:

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Hệ số
1. Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của xã	
- Dưới 2%	0,4
- Từ 2% đến dưới 8%	0,5
- Từ 8% đến dưới 14%	0,6
- Từ 14% trở lên	0,7
2. Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của xã	
- Dưới 200 hộ	0,4
- Từ 200 hộ đến dưới 400 hộ	0,5
- Từ 400 hộ trở lên	0,6
3. Tiêu chí 3. Địa bàn khó khăn	
Xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển	1

- Phương pháp tính:

Vốn phân bổ cho từng xã được tính theo công thức:

$$B = A.(TL+SH+XN)$$

Trong đó:

B: vốn phân bổ cho xã

TL: hệ số tiêu chí của tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo

SH: hệ số tiêu chí của tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo

XN: hệ số xã ĐBKK vùng BNVB

A là vốn bình quân cho một xã được tính theo công thức:

$$A = \frac{Q}{\text{Số đơn vị cấp xã}}$$

Q: Tổng vốn bình quân cho 1 huyện

DANH SÁCH GỬI LẤY Ý KIẾN

(Kèm theo Công văn số...../LĐTBXH-BTXHTEBĐGTNXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội)

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
2. Sở Giáo dục và Đào tạo;
3. Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
4. Ban Dân tộc tỉnh
5. Sở Văn Hóa và Thể thao;
6. Sở Y tế;
7. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh;
8. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
9. Sở Kế hoạch và Đầu tư;
10. Sở Giao thông vận tải
11. Sở Công thương
12. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh;
13. Sở Nội vụ;
14. Công an tỉnh;
15. Ban Dân vận Tỉnh ủy;
16. Sở Tư pháp;
17. Sở Thông tin và Truyền thông;
18. Hội Nông dân;
19. Sở Tài chính;
20. Sở Du lịch;
21. Ủy ban nhân dân 15 huyện, thành phố.